

Bản án số: 184/2023/HSST

Ngày: 05/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích;
2. Ông Nguyễn Lương Quân.

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Trần Trung Tín – Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2023/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an Quận 1 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1430/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Tổng Văn T, sinh ngày XX tháng YY năm 1991, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn YV, xã H, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Sửa điện nước; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Văn C (đã chết) và bà Lê Thị Bích T; có vợ Phạm Thị H và có một con sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 02 năm 2013 bị Tòa án nhân dân quận HM, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 67/HSST đến ngày 29 tháng 7 năm 2014 chấp hành xong và theo công văn số 2188/CCTHADS ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HM xác minh tại

thời điểm xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự quận HM chưa nhận được bản án nêu trên nên chưa có căn cứ để ra quyết định thi hành án đối với Bị cáo T. Ngày 25 tháng 9 năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 22/2015/HSST đến ngày 01 tháng 8 năm 2016 chấp hành xong đã xóa án tích. Ngày 21 tháng 8 năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 192/2017/HSST đến ngày 23 tháng 02 năm 2020 chấp hành xong đã xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 09 giờ 40 phút ngày 16 tháng 5 năm 2023, Tống Văn T đi bộ đến trước nhà số M đường BV, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi mua 01 gói ma túy của đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Bị cáo T cầm gói ma túy trên tay đi bộ đến trước nhà số A đường Đ, phường P, Quận M thì bị tổ công tác Công an phường P, Quận M đi tuần tra phát hiện Bị cáo T có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên mời về trụ sở Công an phường làm việc. Tại Công an phường P, Quận M với sự chứng kiến của ông Lê Phước Minh B (bảo vệ dân phố), Bị cáo T hành kiểm tra phát hiện bên trong bàn tay phải của Bị cáo T có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, Bị cáo T khai là ma túy nên Bị cáo T hành thu giữ rồi bàn giao Bị cáo T cùng vật chứng cho Công an phường Phạm Ngũ Lão lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 giải quyết theo thẩm quyền. (bút lục: 37, 38)

Theo bản kết luận giám định số: 5191/KL-KTHS ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bột màu trắng bên trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Tống Văn T và hình dấu Công an phường P, Quận M là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1633g (không phẩy một sáu ba ba gam), loại Heroine. (bút lục: 35)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của Bị cáo T phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật thu giữ, kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Cảnh sát điều tra tra thu thập. (bút lục: 25 - 30, 31, 39 - 48)

Bản cáo trạng số: 201/CT-VKS-Q1 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Tống Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội khi có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt nghiêm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù, phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số: 5191 (1121)/23 chứa chất ma túy bên trong có 0,1633g ma túy ở thể rắn, loại Heroine cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359260068749065, số Imei trên vỏ sau: 352068069626XXX; 01 điện thoại di động hiệu Itel, số Imei: 35840813054XXX trả lại bị cáo Bị cáo T.

Tại phiên tòa, bị cáo Bị cáo T thừa nhận ngày 16 tháng 5 năm 2023 khi đi bộ đến trước nhà số M đường BV, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 gói ma túy của người phụ nữ tên Nguyễn Thị V với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân nhưng bị bắt giữ cùng vật chứng. Bị cáo khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là không oan sai. Phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người chứng kiến và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Bị cáo T hành tố tụng, người Bị cáo T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Bị cáo T hành tố tụng, người Bị cáo T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, tờ tự khai, bản tường trình, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật, biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định, bản ảnh xác nhận, kết luận giám định,... nên có căn cứ để kết luận: Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trước nhà số A đường Đ, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Bị cáo T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng 0,1633g ma túy ở thể rắn, loại Heroine. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Bị cáo T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn thỏa mãn động cơ cá nhân nên bất chấp xem thường pháp luật cổ tình phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo có nhân thân xấu đã 02 lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, 01 lần bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[7] Xét, người phụ nữ tên Nguyễn Thị V bị cáo Bị cáo T khai là người đã bán ma túy loại Heroine cho bị cáo. Quá trình điều tra chưa có cơ sở để xác định Nguyễn Thị V là người bán ma túy cho bị cáo nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo Bị cáo T khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[8] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số: 5191 (1121)/23 chứa chất ma túy bên trong có 0,1633g ma túy ở thể rắn, loại Heroine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359260068749065, số Imei trên vỏ sau: 352068069626XXX; 01 điện thoại di động hiệu Itel, số Imei: 358408130545703, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu giữ của bị cáo Bị cáo T. Quá trình điều tra bị cáo Bị cáo T khai nhận 02 điện thoại di động trên là tài sản của bị cáo dùng để liên lạc người thân và gia đình. Xét, việc thu giữ 02 điện thoại của bị cáo Bị cáo T không liên quan đến vụ án nên cần trả lại bị cáo Bị cáo T.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Tổng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Tổng Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2023.

Buộc bị cáo Tổng Văn T phải nộp phạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Tổng Văn T nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 5191 (1121)/23 chứa chất ma túy.

+ Trả lại bị cáo Tổng Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359260068749065, số Imei trên vỏ sau: 352068069626XXX; 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel, số Imei: 358408130545703.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 227/2023/PNK-THAHS ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 Năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Tống Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Mục I thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng tính lãi suất đối với các khoản tiền buộc nộp lại để sung vào ngân sách nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo Tống Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận M, Tp. HCM;
- Công an Quận M, Tp. HCM;
- Phòng PC 53 (CA Tp. HCM);
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn